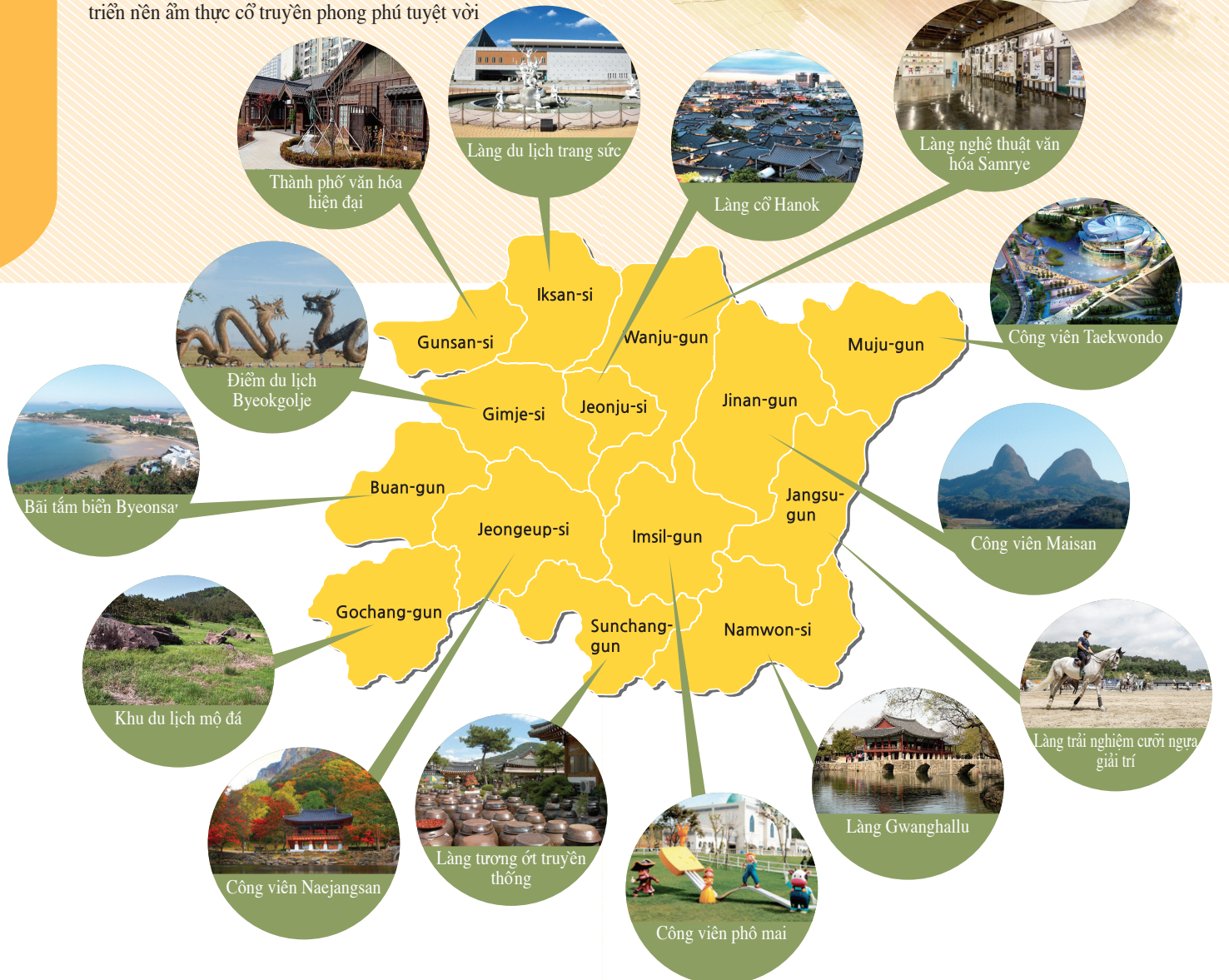


09 Vui cùng Jeonbuk

Hấp dẫn, lôi cuốn nhất Hàn Quốc, Jeonbuk! với Làng cổ Hanok đậm bản sắc dân tộc và là cái nôi của nghệ thuật Hát truyền thống Phansori, là nơi bảo tồn nhiều loại hình nghệ thuật dân gian đặc sắc, nơi lưu giữ và phát triển nền âm thực cổ truyền phong phú tuyệt vời



10 Lễ hội tiêu biểu



Lễ hội huyện	Tên lễ hội	Theo tiêu chuẩn năm 2016	Trang chủ
Jeonju	Lễ hội đêm Jeonju	2016.09.30~2016.10.01	www.jeonju-night.kr
	Lễ hội âm thanh thế giới Jeonju	2016.09.29~2016.10.03	www.sorifestival.com
	Lễ hội cơm trộn ở Jeonju	2016.10.20~2016.10.23	www.bibimbapfest.com
Gunsan	Lễ hội du lịch thời gian Gunsan	2016.09.30~2016.10.02	http://festival.gunsan.go.kr
	Gunsan-seochon Gunkang cheolsae yeohaeng	2016.11.18~2016.11.20	http://gmbo.gunsan.go.kr
	Gubulgil sikan yeohaeng Festival	2016.09.30~2016.10.02	www.gubulgil.com
Iksan	Lễ hội mười triệu hoa cúc Iksan	2016.10.28~2016.11.06	www.iksan.go.kr/gukhwa/
Jeongeup	Lễ hội Kujolcho Jeongeup	2016.10.01~2016.10.09	http://gujulcho.jeongeup.go.kr
	Lễ hội văn hóa Jeongeup	2016.10.28~2016.10.30	www.jchf.or.kr
Namwon	Namwon Chul hyang jae	2016.10.07~2016.10.09	www.heungbu.or.kr
Gimje	Kimje jipyeongseong festival	2016.09.29~2016.10.03	http://festival.gimje.go.kr
Wanju	Lễ hội rượu Wanju 2016	2016.09.23~2016.09.25	www.wildfoodfestival.kr
Jinan	Lễ hội sấm Jinan	2016.10.12~2016.10.16	www.jinanfestival.com
Muju	Muju sangol yeonghwa jae	2016.06.02~2016.06.06	www.mjff.or.kr
	Lễ hội đèn bướm bướm Muju	2016.08.27~2016.09.04	www.firefly.or.kr
Jangsu	Lễ hội thịt bò và táo Jangsu	2016.09.02~2016.09.04	www.jangsufestival.com
Imsil	Lễ hội pho mai Imsil	2016.10.06~2016.10.09	www.imsilfestival.com
Sunchang	Lễ hội tương Sunchang	2016.10.13~2016.10.16	www.jangfestival.co.kr
	Lễ hội hoa Maemil Gochang	2016.09.10~2016.09.25	www.borinara.co.kr
Gochang	Lễ hội văn hóa Seon-un	2016.09.24~2016.09.24	www.seonunsa.org
	Gochang moyangseongjae	2016.10.05~2016.10.09	www.gochang.go.kr/moyangfestival
Buan	Lễ hội Masil Buan	2016.05.06~2016.05.07	www.buanmasil.com

11 Phương tiện giao thông



1. Xe lửa
•Điện thoại liên lạc:1544-7788 •Trang chủ:http://info.korail.com

Phân loại	Địa chỉ	Tuyến đường xe lửa chạy	Giá tiền	Thời gian tiêu hao
Nhà ga Jeonju	Jeonju-si Deokjin-gu Dongbu daero 680	Jeonju - Yongsan	KTX ₩32,000	1:30
			Saemaul ₩26,200	3:10
			Mugung hwa ₩17,600	3:20
Tuyến Janghang nhà ga Gunsan	Gunsan-si Naehung-dong 455	Gunsan - Yongsan	Saemaul ₩21,700	3:01
			Mugung hwa ₩14,600	3:20
Nhà ga Iksan	Iksan-si Iksandaero 153	Iksan - Yongsan	KTX ₩32,000	1:15
			Saemaul ₩23,800	3:21
			Mugung hwa ₩16,000	3:01
Tuyến Honam nhà ga Jeongeup	Jeongeup-si seobu sancop doru 305	Jeongeup - Yongsan	KTX ₩39,500	1:30
			Saemaul ₩27,900	3:17
			Mugung hwa ₩18,800	3:35
Tuyến Jeolla nhà ga Namwon	Namwon-si Kyoryong-ro 71	Namwon - Yongsan	KTX ₩39,200	2:00
			Saemaul ₩31,400	3:37
			Mugung hwa ₩21,100	4:00
Tuyến Honam nhà ga Gimje	Gimje-si Duwol-ro 198	Gimje - Yongsan	Saemaul ₩25,400	3:00
			Mugung hwa ₩17,100	3:17
Tuyến Jeolla nhà ga Samrye	kwangu-gun Samrye-eup Samryeok-ro 85-32	Samrye - Yongsan	Saemaul ₩16,800	3:10
Tuyến Jeolla nhà ga Imsil	Imsil-gun Imsil-eup Chunhyang-ro 2932	Imsil - Yongsan	Mugung hwa ₩19,400	3:40

2. Máy bay : Sân bay Gunsan

•Địa chỉ : Gunsan-si Okseo-myon Sabdongkil 2

•Số điện thoại : 1661-2626

•Lộ trình : Gunsan → Jeju

•Giờ khởi hành : 3:25 ; 14:35

3. Xe buýt

•Xe buýt tốc hành : KOBUS www.kobus.co.kr / 1544-4888

•Xe buýt đi ngoại thị : BUSTAGO www.bustago.or.kr / 1644-2992

Khu vực	Tên	Địa chỉ	Điện thoại liên lạc
Jeonju	Bến xe tốc hành Jeonju	Jeonju-si Deokjin-gu Jeonju Cheondong-ro 470	063-277-1572
	Bến xe ngoại thị Jeonju	Jeonju-si Deokjin Garinaero 30	1688-1745
Gunsan	Bến xe tốc hành Gunsan	Gunsan-si Haemang-ro 30	063-445-3824
	Bến xe ngoại thị Gunsan	Gunsan-si Haemang-ro 18	1666-2747
Iksan	Bến xe công cộng Iksan	Iksan-si Iksan-daero 56	063-843-5100
Jeongeup	Bến xe công cộng đi ngoại thị Jeongeup	Jeongeup-si Yeonji 1-gil 46-4	1688-6676
Namwon	Bến xe tốc hành Namwon	Namwon-si Chunhyang-ro 78	063-625-5391
	Bến xe công cộng Namwon	Namwon-si Yongseong-ro 109	063-633-0807
Kimje	Bến xe công cộng Kimje	Kimje-si Dongseo-ro 241	1688-6341
Wanju	Bến xe ngoại thị Gosan	Wanju Gosan-myeon Upnae-ri	
	Bến xe Bongdong	Wanju-gun Bongdong-eup Janggi-ri	
Jinan	Bến xe công cộng Samrye	Wanju-gun Samrye-eup Donghat-ro 28	063-291-1450
	Bến xe công cộng Daedunsan	Wanju-gun Unju-myeon Daedunsan Gongwon-gil 11	
Muju	Trạm dừng công cộng ngoại thị Jinan	Jinan-gun Jinan-eup Jinmu-ro 1120	063-433-2508
Muju	Bến xe công cộng Muju	Muju-gun Muju-eup Hanpungro-ro 351	063-322-2245
Jangsu	Bến xe công cộng Jangsu	Jangsu-gun Jangsu-eup Jangcheon-ro 175	063-351-8889
Imsil	Bến xe ngoại thị Imsil	Imsil-gun Imsil-eup Unsu-ro 20	063-642-2114
Sunchang	Bến xe công cộng Sunchang	Sunchang-gun Sunchang-eup Jangryu-ro 355	063-653-2186
Gochang	Bến xe công cộng Gochang	Gochang-gun Gochang-eup Jangang-ro 191	063-563-3388
Buan	Bến xe ngoại thị Buan	Buan-gun Buan-eup Seokjeong-ro 210	1666-2429

4. Xe buýt sân bay - Limousine

•Địa chỉ : Jeonju-si Deokjin-gu Garinaero 21(Geumamdong 459-6)

•Điện thoại liên lạc : 1670-5477

•Tuyến đường chạy : Jeonju → Iksan → Sân bay Gimpo → Sân bay Incheon

•Giá tiền

- Jeonju → Sân bay Gimpo 23,000won → Sân bay Incheon 31,000won

- Iksan → Sân bay Gimpo 23,000won → Sân bay Incheon 30,000won

•Trang chủ : www.limusine.co.kr

- Xe buýt ngoại thị

•Địa chỉ : Jeonbuk Jeonju-si Geumamdong 705 - 10

•Điện thoại liên lạc : 1688-1745

•Tuyến đường chạy : Jeonju → Sân bay Incheon / Imsil → Sân bay Incheon

•Giá tiền

- Jeonju → Sân bay Incheon 24,500won

- Imsil → Sân bay Incheon 23,000won

•Trang chủ : www.jbexpress.co.kr

12 Các câu nói cơ bản

• Lời chào hỏi cơ bản

Tiếng hàn	Phát âm	Tiếng việt
안녕하세요?	An-nyoung-ha-seo-yo?	Xin chào
감사합니다.	Kam-sa-ham-ni-da	Cảm ơn
잘 지내셨어요?	Jal ji-ne-sheo-sseo-yo?	Bạn khỏe/sống tốt không?
식사 하셨어요?	Shik-sa-ha-sheo-sseo-yo?	Bạn đã ăn tối chưa?
나중에 만나요!	Na-jung-eo-man-na-yo!	Hẹn gặp lại sau này!
안녕히 계세요	An-nyoung-hi-ge-seo-yo	- Chúc bạn/anh... ở lại vui vẻ/ khỏe... - Chúc bạn/anh... đi đường vui vẻ/bình an...
안녕히 가세요	An-nyoung-hi-ga-seo-yo	

• Tại khách sạn

Tiếng hàn	Phát âm	Tiếng việt
안녕하세요 도와드릴까요?	An-nyoung-ha-seo-yo To-wa-du-lil-kka-yo?	Xin chào, Tôi có thể giúp gì cho bạn?
네, 체크인을 하려고 합니다.	Ne, Check-in-ha-reo-go-ham-ni-da	Vâng, Tôi muốn vào phòng(nhà chia khóa phòng).
예약은 했습니까?	Ye-yak-eun-hat-ssum-ni-ka?	Bạn đã đặt phòng trước chưa?
감사합니다.	Kam-sa-ham-ni-da	Cảm ơn

• Khi yêu cầu người khác nhường bộ cái gì đó

Tiếng hàn	Phát âm	Tiếng việt
다시 한 번 말씀해 주세요?	Ta-si-han-beonmal-sum-hae-ju-seo-yo?	Xin lỗi, hãy nói lại lần nữa được không ạ?
죄송합니다.	Choe-song-ham-ni-da	Xin lỗi(khi đã làm việc có lỗi)
천천히 말씀해 주시겠어요?	Chon-chon-hi mal-ssum-hae-ju-shi-ge-sseo-yo?	Có thể nói chậm lại được không ạ?
모르겠어요.	Mo-ru-ge-sso-yo	Tôi không biết
적어 주세요.	Cho-go-ju-seo-yo	Hãy viết cho
그것 한국어로 뭐라고 해요?	Ku-geot han-gung-mal-lo-mwo-ra-go-hae-yo?	Cái đó nói bằng tiếng Hàn là gì ạ?
못 알아들었어요.	Mo-na-ra-dut-kke-sso-yo	Tôi không thể hiểu ra

• Trên đường

Tiếng hàn	Phát âm	Tiếng việt
길을 잃어버렸어요.	Ki-nul-i-ro-bo-ryo-sso-yo	Tôi đã bị lạc mất đường rồi.
좀 도와주실 수 있으니까요?	Chom to-wa-ju-shil su Issu-shin-ka-yo?	Có thể giúp tôi được không?
(화장실/약국)이 어디예요?	(Hwa-jan-shil/yak-kuk)-i o-di-ye-yo?	(Nhà vệ sinh/ Nhà thuốc) ở đâu
쫓 가세요! 그 다음에 왼/오른쪽으로 가세요.	Tchuk ka-se-yo! ku-da-u-me woen/o-run tcho-gu-ro jom-ga-seo-yo	Cứ đi thẳng! sau đó đi theo hướng bên trái/bên phải

• Khi bày tỏ / từ vựng

Tiếng hàn	Phát âm	Tiếng việt
좋아요./ 안 좋아요./ 그저 그래요.	cho-a-yo / an-jo-a-yo / ku-jo / ku-rae-cho	Tốt/ Không tốt/ Bình thường
내일/오늘 / 어제	Nae-il / O-nul / O-je	Ngày mai / Hôm nay / Hôm qua
괜찮아요?	kwaen-cha-na-yo?	Bạn không sao chứ?
배고파요./ 목말라요.	Pae-go-oa-yo / Mong-mal-la-yo	Đói bụng / Khát nước
이것, 그것/ 여기, 거기	I-got, ku-got / Yeo-gi, ko-gi	Cái này, Cái đó/ Ở đây, Ở kia
몇시예요?	Myo-sshi-ye-yo?	Mấy giờ vậy?
열시예요./ 일곱시 반이에요.	Yol-sshi-ye-yo / Il-gop-sshi-ba-ni-eyo	Đúng 10 giờ / 7 giờ 30 phút.
일,이,삼,사,오,육,칠,팔,구,십	Il, i, sam, sa, o, ryuk, chil, pal, ku, ship	Một,hai,bai,bốn,năm,sáu, bảy,tám,chín,mười
아파요.	A-pa-yo	Tôi bị đau(ốm)
의사가 필요해요.	Ui-sa-ga pi-ryo-hae-yo	Tôi cần bác sĩ

• Khi tự giới thiệu

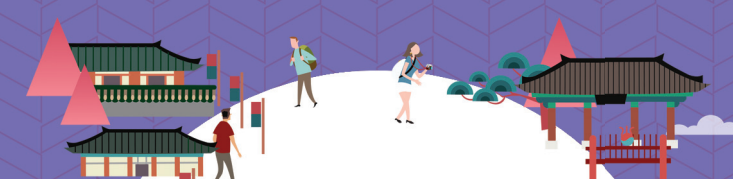
Tiếng hàn	Phát âm	Tiếng việt
저는 000입니다.	Cho-nun 000im-ni-da	Tôi tên là 000
만나서 반갑습니다.	Man-na-so ban-gap-ssum-mi-da	Rất vui được gặp
어디서 오셨어요?	O-di-so o-shio-sso-yo?	Bạn từ đâu đến?
저는 (미국/한국)에서 왔어요.	Cho-nun (mi-guk/han-guk)-e-so-wa-sso-yo	Tôi đến từ nước Mỹ/ Hàn Quốc
어디 사세요?	O-di-sa-seo-yo?	Bạn sống ở đâu?
저는 (미국/한국)에 살아요.	Cho-nun (mi-guk/han-guk)-eso-sa-ra-yo	Tôi sống ở Mỹ/Hàn Quốc
한국은 대단한 나라입니다.	Han-gu-gun dae-dan-han na-ra-im-ni-da	Hàn Quốc là một đất nước tuyệt vời
저는 한국어가 좋아요.	Cho-nun han-gu-go-ga cho-a-yo	Tôi thích tiếng Hàn
나이가 어떻게 되세요?	Na-i-ga o-tto-ke dwoe-seo-yo?	Bạn bao nhiêu tuổi?
저는 (스물/서른)살이에요.	Cho-nun (su-mul/so-run)-sa-ri-e-yo	Tôi (20, 30) tuổi
직장은 어떻게 되세요?	Chik-chang-un o-tto-ke dwoe-seo-yo?	Công việc của bạn như thế nào?
여기가 좋으세요?	Yo-gi-ga cho-a-seo-yo?	Bạn có thích ở đây không?

• Từ vựng cần thiết

Tiếng hàn	Phát âm	Tiếng việt
병원	byeongwon	Bệnh viện
약국	yak-guk	Hiệu thuốc
경찰 / 경찰서	kyong chal / kyong chal seo	Cảnh sát/ Sở cảnh sát
편의점	pyeong-uijeom	Cửa hàng tiện lợi
자전거	ja-jeon-geo	Xe đạp
오토바이	o-to-ba-i	Xe máy
공공기관	gong-gong-gi-gwan	Cơ quan công cộng
마트	ma-thu	Cửa hàng
백화점	baek-hwa-jeom	Cửa hàng bách hóa
택시	taek-si	taxi
버스	beo-su	Xe buýt
음식점	eum-sik-jeom	Quán ăn
식당	sik-dang	Nhà hàng

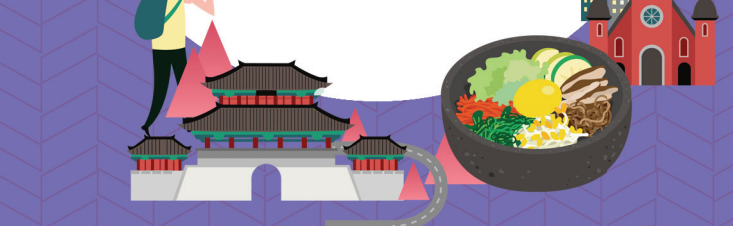


JBCIA 전라북도국제교류센터
Jeollabuk-do Center for International Affairs
(54843)164, Palgwajeong-ro, Deokjin-gu, Jeonju-si, Jeollabuk-do
Jeollabukdo Business Agency main Tầng 1
T. 063) 214-5604 F. 063) 214-5608
Homepage www.jbcia.or.kr



Cẩm nang sinh hoạt dành cho người nước ngoài

Sách hướng dẫn sinh hoạt Jeonbuk



전라북도 Jeollabuk-do
전라북도국제교류센터 Jeollabuk-do Center for International Affairs
전라북도국제교류센터 Jeollabuk-do Center for International Affairs

